

Bản án số: 56/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 09 – 8 – 2017

V/v: “Ly hôn và tranh chấp
chia tài sản chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THÀNH, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Xuân Long

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Kim Nhung

Bà Phạm Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa –
Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 86/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2017 về ly hôn và tranh chấp chia tài sản chung; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2017/QĐXX-ST ngày 26 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Tuệ M, sinh năm 1976

Địa chỉ: tổ X, ấp Y, xã Z, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Trịnh Hồng P, sinh năm 1973

Địa chỉ: tổ X, ấp Y, xã Z, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24 tháng 02 năm 2017 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – bà Phan Thị Tuệ M trình bày:

Bà Phan Thị Tuệ M và ông Trịnh Hồng P sau một thời gian tìm hiểu thì tiến tới hôn nhân, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, có tổ chức đám cưới từ năm 1992 và nhưng đến năm 2004 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng vài năm đầu; sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: bà M nhận thấy vợ chồng bất đồng về nhiều thứ như tính tình, quan điểm sống dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, xúc phạm nhau. Ông P vũ phu, hay đánh đập bà, từ đó tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn tiếng nói chung trong làm ăn, trong quan hệ hàng ngày. Hơn một năm trở lại đây, ông P ghen tuông, nghi ngờ bà ngoại tình, vì vậy đã không tạo điều kiện để cho bà kinh doanh nhà nghỉ, khiến cuộc sống của bà gặp rất nhiều khó khăn.

Nay, bà M thừa nhận: không còn yêu thương ông P, không còn muốn kéo dài cuộc hôn nhân, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông P.

Về con chung: có 02 con chung tên là Trịnh Hồng C, sinh năm 1993 và Trịnh Thị Thanh H, sinh năm 1994; nay các con của bà đã trưởng thành, lập gia đình riêng nên bà không yêu cầu xem xét, giải quyết về vấn đề con chung, về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: bà M xin rút yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 24 tháng 3 năm 2017, bị đơn – ông Trịnh Hồng P trình bày:

Về quá trình đi tới hôn nhân giữa ông P và bà Phan Thị Tuệ M như lời trình bày của bà M là đúng. Cuộc hôn nhân của ông P, bà M là tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Tân Thành, vào năm 2004.

Trong quá trình chung sống, mâu thuẫn vợ chồng có phát sinh nhưng không đáng kể. Việc bà M làm đơn ly hôn là do bà M muốn bỏ ông để ngoại tình với người đàn ông khác.

Nay, ông P xác định: ông rất yêu thương vợ, lỗi dẫn đến việc ly hôn này là do bà M, do vậy, ông P không đồng ý ly hôn với bà M.

Về con chung: có 02 con chung tên là Trịnh Hồng C, sinh năm 1993 và Trịnh Thị Thanh H, sinh năm 1994; nay các con của ông đã trưởng thành, lập gia đình riêng nên ông không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành cho rằng:

Về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Luật tố tụng dân sự, cụ thể: thu thập tài liệu chứng cứ đúng quy định, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết, các quyền và nghĩa vụ của đương sự đã được thực hiện đầy đủ.

Về nội dung vụ án: Qua trình bày của đương sự, cùng tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Tuệ M, theo đó, bà M được ly hôn với ông Trịnh Hồng P; đình chỉ yêu cầu của bà M về việc tranh chấp chia tài sản chung, nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Phan Thị Tuệ M thì Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn và tranh chấp chia tài sản chung”; bị đơn ông Trịnh Hồng P có địa chỉ tại huyện Tân Thành; nay có tranh chấp nên xác định đây là vụ án nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Ông Trịnh Hồng P và bà Phan Thị Tuệ M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đúng pháp luật, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào năm 2004 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng bà M và ông P phát sinh mâu thuẫn là có thật, điều này thể hiện qua lời trình bày của bà M và ông P cho rằng: vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn trầm trọng từ cuối năm 2016. Bà M và ông P cũng đã sống ly thân từ đầu năm 2017, mạnh ai nấy sống, không quan hệ tình cảm vợ chồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bà M vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông P, vì cho rằng: ông P thường xuyên xúc phạm, chửi mắng, đánh đập bà; bà không muốn tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân vợ chồng với ông P nữa. Còn ông P cho rằng: do bà M không tu chí làm ăn, thường xuyên đánh bạc, lại còn quan hệ bất chính với người khác. Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo kết quả xác M ngày 10 tháng 7 năm 2017 của Tòa án tại Công an xã X thì: vợ chồng ông P, bà M có xảy ra mâu thuẫn, nhiều lần địa phương tới ghi nhận và hòa giải nhưng không thành. Theo thừa nhận của ông P và bà M thì từ đầu năm 2017 đến nay, vợ chồng ông P, bà M sống ly thân, không quan hệ tình cảm vợ chồng, không quan tâm tới nhau. Như vậy có thể thấy cuộc sống hôn nhân hiện tại giữa ông P và bà M là không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được; Tòa án cũng đã tạo điều kiện để ông P và bà M hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Tại phiên tòa, bà M cương quyết được ly hôn nên Hội đồng xét xử không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng ông P, nhận thấy mục đích hôn nhân của họ nếu tiếp tục cũng sẽ không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M đối với ông P.

[2.2] Về con chung: có 02 con chung tên là Trịnh Hồng C, sinh năm 1993 và Trịnh Thị Thanh H, sinh năm 1994; nay các con của chị M, anh C đã trưởng thành, lập gia đình riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trịnh Hồng P không yêu cầu tòa án giải quyết; bà Phan Thị Tuệ M có đơn rút yêu cầu về chia tài sản chung, nợ chung, nay không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà M là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật nên

được chấp nhận. Do đó, đình chỉ yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung của bà Phan Thị Tuệ M; trường hợp xét thấy quyền lợi bị xâm phạm thì bà M được quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phan Thị Tuệ M phải nộp: 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 217, Điều 218, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Tuệ M về việc: “Ly hôn và chia tài sản chung”;

Về hôn nhân Bà Phan Thị Tuệ M được ly hôn với ông Trịnh Hồng P.

Về con chung: có 02 con chung tên là Trịnh Hồng C, sinh năm 1993 và Trịnh Thị Thanh H, sinh năm 1994; các con đã đủ tuổi trưởng thành, nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Đình chỉ yêu cầu của bà Phan Thị Tuệ M về yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phan Thị Tuệ M phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0006174 ngày 15/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thành; bà M đã nộp xong.

Hoàn trả lại 1.700.000đ (Một triệu bảy trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho bà Phan Thị Tuệ M theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006174 ngày 15/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thành.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Nơi nhận:

- VKS nhân dân huyện Tân Thành;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Chi cục THADS huyện Tân Thành;
- Ủy ban nhân dân xã X,
huyện Tân Thành, tỉnh BR-VT;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ.

Cao Xuân Long